TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **T**, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **E**, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019 nguyên đơn trình bày:* Năm 1995 chị và anh E cưới nhau không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đầm ấm đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh E có quan hệ bất chính với người con gái khác nên vợ chồng thường xuyên cự cải, thậm chí anh E còn đánh đập chị T, chị bỏ nhà về bên cha mẹ ruột sinh sống, đã ly thân hơn một năm nay. Chị và anh E có 02 người con chung là Q, sinh năm 1999 (đã trưởng thành, lập gia đình riêng) và Q1, sinh năm 2002, đã đi làm, con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản và nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị T và anh E cưới nhau năm 1995, sau đó có đăng ký kết hôn nhưng chị không nhớ. Tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, chị không thể sống

chung với anh E được nữa, chị yêu cầu được ly hôn, cháu Q1 theo ai người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh chị không có nợ chung.

** Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại phiên hòa giải cũng như bản tự khai bị đơn có trình bày:* Khi anh chị cưới nhau không đăng ký kết hôn, nhưng sau đó khi đi làm giấy khai sinh cho con thì có làm giấy đăng ký kết hôn. Anh E thừa nhận trước đây có người phụ nữ khác nhưng hiện nay không còn nữa. Khi anh đi làm xa nhà về, phát hiện chị T có mối quan hệ với người khác nên có đánh chị T. Anh biết lỗi và nhận lỗi với gia đình bên vợ. Anh còn thương vợ không muốn ly hôn. Xin cho thời gian để được hàn gắn. Anh chị có 02 người con chung như lời chị T trình bày. Nếu như phải ly hôn thì con theo ai người đó nuôi, nếu theo chị T thì anh cấp dưỡng cho cháu Q1 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi, nếu con theo anh E thì không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, anh chị không có nợ chung.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh E; đồng thời giao cháu Q1 cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh E cấp dưỡng cho cháu Q1 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi hòa giải không thành, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh E để xét xử; anh E có đơn xin vắng mặt gửi cho Tòa án nhưng nội dung đơn không thể hiện yêu cầu xét xử vắng mặt mà chỉ thể hiện ý kiến xin có thời gian để hàn gắn. Do đó, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và triệu tập anh E lần hai nhưng anh E vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh E.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh E và yêu cầu giải quyết nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 1995 anh chị cưới nhau, đến ngày 25/12/2002 đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp kể từ ngày đăng ký. Trong quá

trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh E có người phụ nữ khác, anh chị thường xuyên cự cải, có nhiều lần anh E đánh chị T nên gia đình mất hạnh phúc (việc này anh E cũng thừa nhận). Từ đó, anh chị sống ly thân; nay chị T cương quyết ly hôn, anh E mong muốn có thời gian để hàn gắn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh E đã kéo dài nhiều năm, cuộc sống không hạnh phúc; hiện nay anh chị không sống chung với nhau, mỗi người sống một nơi; mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần động viên chị T nhưng chị vẫn cương quyết ly hôn. Thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể kéo dài, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh E.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Anh chị có 02 người con chung là Q, sinh năm 1999 (đã trưởng thành, lập gia đình riêng) và Q1, sinh ngày 30/12/2002, có nguyện vọng sống với chị T. Anh chị thống nhất theo nguyện vọng của cháu Q1. Xét thấy chị T đủ điều kiện nuôi con, hiện nay cháu Q1 cũng tự đi làm và có nguyện vọng sống với chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Q1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng anh E tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q1 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản và nợ chung: Tài sản anh chị tự thỏa thuận, anh chị đều khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, chị T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh E tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không phải chịu án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh E. Chị T được ly hôn với anh E.

2- Về con chung: Giao Q1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì anh E có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh E cấp dưỡng nuôi cháu Q1 mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Q1 tròn 18 tuổi, anh E giao tiền vào ngày 15 hàng tháng.

4- Án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006190 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

5- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận